

BẢNG KÊ THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐZ971 TRUNG GIAN ĐIỆN THÁP, CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐZ971 TRUNG GIAN ĐIỆN LỘC VÀ CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐZ971 TRUNG GIAN ĐIỆN ĐỒNG LÊN VẬN HÀNH CẤP ĐIỆN ÁP 22kV

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2025 của UBND huyện Diễn Châu)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ (xóm)	Số TBD trích đo	Số thửa theo trích đo	Diện tích hiện trạng theo trích đo (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi	Ghi chú
I	DIỄN ĐỒNG							
1	Bùi Xuân Lộc	xóm 3	7	307	379,8	10,1	LUC	
2	Nguyễn Thị Xoan	xóm 2	6	45	1062,4	10,1	LUC	
3	Nguyễn Nghĩa Hùng (Tâm)	xóm 6	6	28	1788,6	7,8	LUC	
4	Bùi Công Hữu	xóm 6	5	93	3005,4	7,8	LUC	
5	Bùi Văn Quế	xóm 6	2	379	2828,3	10,1	LUC	
6	Bùi Hữu Giang	xóm 3	2	374	1114,5	7,8	LUC	
II	DIỄN THÁI							
1	Nguyễn Thị Yên	Xóm 6	8	7	520,1	7,8	LUC	
2	Bùi Văn Kiêm (Liên)	Xóm 5	8	22	838,9	7,8	LUC	
3	Đinh Thị Loan	Xóm 5	8	30	2146,4	7,8	LUC	
4	Hoàng Thị Lự	Xóm 6	7	46	485,3	7,8	LUC	
5	Đinh Văn Lợi (Lan)	Xóm 6	7	47	813,7	7,8	LUC	
6	Phạm Văn Tú (Phương)	Xóm 6	7	81	1086,9	7,8	LUC	
7	Phan Thị Bảy	Xóm 6	7	93	381,8	10,1	LUC	
III	DIỄN LIÊN							
1	Võ Thị Hường	Xóm 4	7	221	1284,4	10,1	LUC	
2	Nguyễn Văn Tuấn (Phương)	Xóm 5	11	10	2813,6	7,8	LUC	
3	Võ Thị Bảy(Phó)	Xóm 6	11	30	1534,9	7,8	LUC	
4	Nguyễn Văn Vĩnh (Hà)	Xóm 7	11	45	1579,1	7,8	LUC	
5	Nguyễn Văn Toàn (Cánh)	Xóm 3	10	171	1582,3	7,8	LUC	
6	Bùi Thị Hà	Xóm 3	10	205	1081,1	2,0	LUC	
7	Nguyễn Văn Khai (Đào)	Xóm 6	4	177	1251,3	7,8	LUC	
8	Nguyễn Thị Ly	Xóm 6	4	134	1150,2	10,1	LUC	
9	Võ Sỹ Tấn	Xóm 8	18	82	2481,1	10,1	LUC	
10	Cao xuân Mạnh	Xóm 4	10	250	3332,4	10,1	LUC	
11	Tô Minh Độ (Biên)	Xóm 3	9	268	2195,9	10,1	LUC	
Tổng cộng					36.738,4	202,1		